TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2406/2023/DS-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cửu Long;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tuyến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1095/2022/TLST-DS ngày 15/11/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2423/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3320/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 422 đường D, Phường N, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Thanh C, sinh năm 1979;

Địa chỉ thường trú: 40/8A đường T, tổ 1, khu phố N, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo văn bản ủy quyền số: 123/UQ-QLN.23 ngày 06/11/2020 của Ngân hàng A) – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Lan T, sinh năm 1970 – (vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: 26 đường H, phường M, quận H, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ tạm trú: 204-B11 đường N, khu phố 6, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngân hàng A (sau đây gọi tắc là ACB) có cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V ký ngày 16/7/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB; Các văn bản khác của bà Nguyễn Thị Lan T ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: Thẻ tín dụng thứ nhất số 3567950000197975, cấp ngày 18/7/2019, loại thẻ Visa Signature (thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ 300.000.000 đồng, thẻ có hiệu lực từ tháng 7 năm 2022; Thẻ tín dụng thứ hai số 4365999000070577, cấp ngày 18/7/2019, loại thẻ JCB vàng (thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, thẻ có hiệu lực từ tháng 7 năm 2022. Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí, ... được thỏa thuận và điều chỉnh theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V đã không thanh toán đầy đủ cho ACB theo các Thông báo giao dịch hàng tháng, nên thuộc trường hợp ACB được quyền chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn. Do đó: Ngày 20/10/2020, ACB đã chuyển khoản nợ của các thẻ tín dụng đã cấp cho bà T và ông V (bao gồm cả thẻ chính và thẻ phụ) sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán. Ngày 29/3/2022, ACB ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ. Tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 14/7/2023), bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V còn nợ Ngân hàng ACB tổng số tiền là 768.941.348 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 397.058.794 đồng và nợ lãi quá hạn là 371.882.554 đồng. Do phía bị đơn vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay, làm ảnh hưởng hoạt động kinh doanh bình thường của Ngân hàng ACB. Vì vậy, ACB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số nợ tính đến ngày 14/7/2023 là 768.941.348 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 397.058.794 đồng và nợ lãi quá hạn là 371.882.554 đồng;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V liên đới tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB tính từ ngày 15/7/2023 cho đến khi trả hết nợ.

(2) Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V tiếp tục vắng mặt mà không có lý do. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc sự kiện khách quan, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Ngân hàng A với bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V (là người có nghĩa vụ) đã đăng ký tạm trú tại thành phố Thủ Đức, khi tiến hành giao dịch vay mượn tiền có cung cấp cho Ngân hàng ACB sổ đăng ký tạm trú, địa chỉ ghi trên hợp đồng là căn nhà số 204-B11 đường Nguyễn Văn Hưởng, khu phố 6, phường Thảo Điền, (quận 2) nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp bà T và ông V thay đổi nơi ở mà không thông báo cho nguyên đơn thì được coi là cố tình dấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/7/2019 và ngày 12/8/2019 cùng bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng ACB (tất cả gọi tắc là Hợp đồng) giữa bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V với Ngân hàng A là hoàn toàn tự nguyện,

được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ Hợp đồng đã giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định, ngày 18/7/2019 bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V được Ngân hàng A cấp 02 thẻ tín dụng quốc tế, thẻ thứ nhất là Visa Signature có số thẻ 3567950000197975 với hạn mức thẻ 300.000.000 đồng và thẻ thứ hai là JCB vàng, số thẻ 4365999000070577 với hạn mức thẻ 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng ACB theo các thông báo giao dịch hàng tháng, thuộc trường hợp Ngân hàng ACB được quyền chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn. Nhận thấy, Ngân hàng ACB đã chuyển khoản nợ của các thẻ tín dụng đã cấp cho bà T và ông V (bao gồm cả thẻ chính và thẻ phụ) sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010. Tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 14/7/2023), bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V còn nợ Ngân hàng ACB tổng số tiền là 768.941.348 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 397.058.794 đồng và nợ lãi quá hạn là 371.882.554 đồng. Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay là Ngân hàng ACB. Do vậy, yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V phải chịu án phí dân sự sở thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95, 96 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 40, 277, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V liên đới có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền 768.941.348 đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 397.058.794 đồng và nợ lãi quá hạn là 371.882.554 đồng).

- Kể từ ngày 15/7/2023, bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á Châu), cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 34.757.654 đồng, buộc bà Nguyễn Thị Lan T và ông Nguyễn Hồng V liên đới phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 13.624.843 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0006767 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên